

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSY

NGÀY 07 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						362 986	219 071	143 915			
I		CẢNG CHÍNH						100 021	34 989	65 032			
		Tàu đã làm hàng (trong cầu)						35 040	34 989	51			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	30/06	1044/06		VIỆT THUẬN 30-06	CẨM 6A.1	29 250	29 243	7	04/07		Món:29.242,85
2		DVVT QUẢNG NINH	03/07	955-B/05	18/07	BN 1879	CỤC XỎ 1C	1 000	992	8	04/07		THAY TBGT SỐ 955/6
3		COALIMEX	05/07	1059/07	19/07	GIA BẢO 1826	CỤC XỎ1C	2 650	2 636	14	05/07		
4		ĐT TMDV VINACOMIN	03/07	953-B/06	18/07	BN 1826	CỤC XỎ 1C	1 050	1 035	15	05/07	TD	THAY TBGT SỐ 953/6
5		KDT BẮC THÁI	05/07	1055/07	19/07	BN 1368	CẨM 1	1 090	1 083	7	05/07		
		Tàu đã làm lệnh (trong cầu)						64 981		64 981			
1		XD CN MỎ	23/06	631/04	29/06	BN 2519	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
2		XD CN MỎ	23/06	730/04	29/06	BN 2276	Cẩm 4b.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L2
3		CROMIT CĐ THANH HÓA	26/06	764/04	30/06	HD 2266	Cẩm 4b.1	1 980		1 980		TD	
4		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	786/04	30/06	HD 2558	CỤC XỎ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L2
5		XD CN MỎ	27/06	815/05	30/06	BN 1459	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
6		DVVT QUẢNG NINH	23/06	841/05	30/06	BN 2228	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		KDT BẮC THÁI	26/06	932/05	30/06	HD 1818	CẨM 1	1 981		1 981		TD	
8		KDT BẮC THÁI	26/06	933/05	30/06	BN 1158	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠI L1
9		KDT BẮC THÁI	26/06	934/05	30/06	BN 2033	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
10		VTT VINACOMIN	23/06	937/05	30/06	BN 1468	CUYC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
11		CROMIT CĐ THANH HÓA	23/06	943/05	30/06	HD 2095	CỤC XỎ 1C	1 988		1 988		TD	GIA HẠN L1
12		CROMIT THANH HOÁ	30/06	944/05		NB 8927	CẨM 4B.1	3 020		3 020		TD	
13		KDT CẦU ĐUỐNG	26/06	947/05	30/06	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
15		THAN SÔNG HỒNG	24/06	977/06	30/06	BN 2006	CỤC XỎ 1C	1 040		1 040		TD	GIA HẠN L1
17		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000			
18		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XỎ 1C	1 020		1 020			
19		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XỎ 1C	1 550		1 550		TD	
20		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CẨM 5A.1	8 750		8 750			
21		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CẨM 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
22		XD CN MỎ	01/07	991-B/06	08/07	BN 1835	CỤC XỎ1C	1 100		1 100		TD	
23		KDT BẮC THÁI	16/06	1005/06	30/06	BN 2308	CẨM1	1 530		1 530		TD	
24		XD CN MỎ	17/06	1010/06	30/06	BN 2112	Cẩm 4b.1	1 200		1 200		TD	
25		KDT BẮC THÁI	24/06	1028/06		HD 2099	CẨM 1	1 980		1 980		TD	
26		KDT BẮC THÁI	24/06	1029/06		BN 1869	CẨM 2A.1	1 000		1 000		TD	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 07 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
27		KDT BẮC THÁI	24/06	1030/06		BN 2508	CẨM 4A.1	1 000		1 000		TD	
28		ĐAM NINH BÌNH	26/06	1033/06		NB 6339	CẨM 4A.1	4 000		4 000			
30		COALIMEX	01/07	1045-B/06	16/06	QN 7237	CẨM 5A.1	5 312		5 312		PTCB	GIA HẠN L1
31		KDT HÀ BẮC	30/06	1046/06		BN 1309	CỤC XÔI C	1 000		1 000		TD	
32		KDT HÀ BẮC	30/06	1047/06		BN 2168	CẨM 5A.1	1 000		1 000		PTCB	
33		KDT HÀ BẮC	30/06	1049/06		BN 0937	CẨM 5A.1	1 170		1 170		PTCB	
34		THAN MIỀN NAM	01/07	1050/06		VIỆT THUẬN 095-01	CẨM 5A.1	8 700		8 700			
35		ĐT TMDV VINACOMIN	01/07	1051/07		BN 1758	CỤC XÔI 1C	1 030		1 030		TD	
36		CP HÀNG HẢI VN	02/07	1053/07	17/07	BN 1816	CỤC XÔI 1C	1 000		1 000		TD	
		<u>Tàu chuyển tải</u>						<u>164 000</u>	<u>114 394</u>	<u>49 606</u>			
		<u>Tàu đang làm hàng</u>						<u>164 000</u>	<u>114 394</u>	<u>49 606</u>			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	19/06	1012/06		QUANG VINH 188	CẨM 6A.1	22 800	22 390	410	ĐỔ		
2		ĐIỆN VŨNG ÁNG	19/06	1014/06		VIỆT THUẬN 215-06	CẨM 5A.10	20 500	9 444	11 056	ĐỔ		KVDB:6.000 -CLM:14.500
3		ĐIỂN VĨNH TÂN 21	23/06	1021/06		QUANG VINH DIAMOND	CẨM 6A.10	23 000	22 839	161	04/7		KVCP: 8230,26 - CLM:8648,52 - KDT CP:
4		ĐIỆN VŨNG ÁNG	25/06	1027/06		VIỆT THUẬN 235	CẨM 5A.10	22 750	19 322	3 428	ĐỔ		KVDB:5.000 - CLM:17.750
5		ĐIỆN VŨNG ÁNG	26/06	1034/06		VIỆT THUẬN 235-01	CẨM 5A.14	22 800	16 463	6 337	ĐỔ		CLM:11.000 - KDT CP:11.800
6		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	29/06	1040/06		HẢI NAM 39	CẨM 6A.1	28 850	18 623	10 227	ĐỔ		KVCP:5.850 - TTHG:23.000
7		DẦU KHÍ HÀ TĨNH	30/06	1043/06		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN	CẨM 5A.10	23 300	5 313	17 987	ĐỔ		KVDB:5.000 - CLM:18.300
		<u>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</u>											
II		<u>KHO G9-HÓA CHẤT</u>						<u>27 895</u>	<u>18 098</u>	<u>9 797</u>			
		<u>Tàu đã làm hàng</u>						<u>18 425</u>	<u>18 098</u>	<u>327</u>			
1		CP VT THUỶ	03/7	1156b	17/7	BN - 1798	CỤC 1C	1 000	980	20	04/7	TD	
2		XD CN MỎ	02/7	74	16/7	BN - 2397	CẨM 8A	1 070	1 067	3	04/7	TD	
3		CẦU ĐUÔNG	04/7	125	18/7	BN - 2565	CẨM 8A	1 900	1 898	2	04/7	TD	
4		CP HÀNG HẢI VN	04/7	104	18/7	BN - 2526	CẨM 8A	1 765	1 761	4	04/7	TD	
5		CP ĐTTM&DV	01/7	1177B	15/7	BN - 0869	CỤC 1B	1 150	1 129	21	05/7	TD	
6		CP VT THUỶ	04/7	110	18/7	BN - 1498	CỤC 1B	1 000	828	172	ĐỔ	TD	
7		CẦU ĐUÔNG	03/7	94	17/7	BN - 1809	CỤC 1A	1 000	984	16	05/7	TD	
8		CP ĐTTM&DV	04/7	109	18/7	BN - 0695	CẨM 8A	1 000	994	6	05/7	TD	
9		COALIMEX	05/7	147	19/7	BN - 0988	CẨM 8A	1 000	989	11	05/7	TD	
10		HẢI PHÒNG	05/7	146	19/7	HP - 5902	CẨM 6B.1	1 450	1 432	18	05/7	PT CB	
11		COALIMEX	05/7	149	19/7	BN - 1758	CẨM 8A	1 000	997	3	06/7		
12		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	05/7	150	19/7	BN - 1829	CẨM 8A	1 660	1 646	14	06/7		

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 07 HÁNG 07 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
13		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	05/7	151	19/7	BN - 2665	CẨM 8A	2 430	2 408	22	06/7		
14		CP VT THUỶ	04/7	110	18/7	BN - 1498	CỤC 1B	1 000	987	13	06/7		
		Tàu đã làm lệnh						9 470		9 470			
1		CP VT&KD THAN	02/7	61	16/7	BN - 1368	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
2		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
3		MIỀN TRUNG	03/7	87	17/7	PHÚC THỊNH 18	CỤC 1B	930		930		TD	
4		SÔNG HỒNG	03/7	90	17/7	BN - 2366	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
5		CP DVVT QNINH	03/7	91	17/7	BN - 2646	CỤC 1A	1 100		1 100		TD	
6		CP ĐTTM&DV	04/7	109	17/4	BN - 0695	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
7		CP DVVT QNINH	05/7	128	19/7	BN - 2168	CẨM 8A	1 500		1 500		TD	
8		CP ĐTTM&DV	06/7	168	20/7	TRẦN GIA 09	CỤC 1B	940		940		TD	
9		CP ĐTTM&DV	06/7	168	20/7	TRẦN GIA 09	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
III		KHO BẢO NGUYỄN											
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu đã làm lệnh											
IV		KHO CẢNG KM6						16 688	11 540	5 148			
		Tàu đã làm hàng						11 619	11 540	79			
1		KDT MIỀN BẮC	03/7	93	17/7	BN 1313	Cẩm 6a.1	1 845	1 839	6	04/7	CBPT	
2		TM DV VINACOMIN	02/7	1151 B	17/7	PT 2698	Cục 1b	1 100	1 090	10	04/7	TD	
3		KDT HẢI PHÒNG	05/7	145	19/7	HP 4854	Cẩm 6b.1	1 350	1 347	4	05/7	CBPT	
4		KDT MIỀN BẮC	05/7	142	19/7	VTT 36	Cẩm 5b.1	3 539	3 501	38	06/7	CBPT	
5		KDT MIỀN BẮC	04/7	124	19/7	BN 2728	Cẩm 6a.1	2 585	2 574	11	06/7	CBPT	
6		VTT - VINACOMIN	04/7	121	18/7	BN 1856	Bùn 3c	1 200	1 189	11	06/7	TD	
		Tàu đã làm lệnh						5 069		5 069			
1		HẢI NAM 39 (ĐIỆN VĨNH TÂN 1)	05/7	42		SƠN HẢI 09	Cẩm 6a.1	3 669		3 669			
2		THAN MIỀN NAM	06/7	181	20/7	TRƯỜNG XUÂN 36	Cục 4a.2	1 400		1 400			
V		TÀU XUẤT KHẨU											
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu đã làm lệnh											
VI		TÀU NHẬP KHẨU		ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				54 382	40 051	14 331			
		Tàu đã làm hàng						54 382	40 051	14 331			
1		ÚC	25/06	CLM		MV MARINNE STOEGER		20 000	6 229	13 771	ĐỔ		
2		NAM PHI	11/6	CLM		MV GUO YUAN 22		10 000	9 605	395	06/7		

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 07 HÁNG 07 NĂM 2025

[illegible]

|

|

|

